

Bản án số: 105 /2025/HS-ST
Ngày: 15-8-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi

2. Bà Lê Thị Phương Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/8/2025, 15/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 243/2025/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-HS ngày 21/7/2025 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Trần Thanh N, sinh ngày 16/6/1996, nơi sinh: Tỉnh Long An; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Không có nơi đăng ký thường trú và không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 00/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Thanh S (đã chết) và bà Hồ Thị L; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em không có; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: - Ngày 03/9/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 214/2020/HS-ST. Ngày 27/01/2021, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 12/8/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 09 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 223/2022/HS-ST. Ngày 08/10/2023, đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 12/11/2024 đến nay.

2/ Họ và tên: Trần Quang S, sinh ngày 01/10/1988, nơi sinh: Tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Số 226, xóm 4, Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Ô209, Lô DC46, khu dân cư V, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Quang T và

bà Vũ Thị H; Hoàn cảnh gia đình: Anh chị em có 03 người kể cả bị cáo; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/11/2008, Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Lắk xử phạt 11 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” và “Cướp tài sản” theo bản án số 269/2008/HS-PT. Ngày 25/12/2017, chấp hành xong hình phạt tại Trại giam Đắk Tân.

Bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 12/11/2024 đến nay.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị T1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt).

- *Bị hại:* 1/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 03, đường B, phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

2/ Bà Đỗ Thị Kim T2, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Ngọc L2, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 75, đường 47, ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

2/ Ông Trần Hiếu A, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

3/ Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 2003; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

4/ Ông Lê Trà Minh V, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Trần Thanh N không có nghề nghiệp ổn định và nghiện ma túy nhưng không có tiền mua ma túy để sử dụng nên nảy sinh ý định rủ Trần Quang S đi cướp giật tài sản của người khác để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và mua ma túy để sử dụng.

Để thực hiện ý định, ngày 12/11/2024, N đến nhà trọ gặp tên S tại khu dân cư V, phường A, Tp. T, tỉnh Bình Dương do S thuê. Lúc này, N rủ S đi cướp giật tài sản của người khác để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, S đồng ý. N tháo biển số 47L1-364.10 từ chiếc xe của S bỏ vào túi xách, N lấy biển số 67B1-927.14 gắn vào chiếc xe của S. Sau đó, S điều khiển xe mang biển số 67B1-927.14 chở tên N ngồi phía sau xe lưu thông trên đường T thuộc ấp P, xã P, huyện C thì N phát hiện bà Đỗ Thị Kim T2 (sinh ngày 19/9/2004, nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện C) cầm 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu đen, có ốp lưng hình con gấu bông cầm bên tay trái điều khiển xe biển số 59Y3-358.76 lưu thông theo hướng ngược lại. N bảo S quay xe lại đuổi theo bà T2 để giật điện thoại, S đồng ý và điều khiển xe chạy song song bên ngoài và áp sát bà T2 thì N dùng tay phải giật được điện thoại di động trên rồi kêu S tăng ga nhanh chóng chạy tẩu thoát.

Sau đó, S điều khiển xe chở N lưu thông trên đường L, ấp T, xã T, huyện C; N ngồi phía sau xe phát hiện bà Nguyễn Thị L1 (sinh năm 1978, nơi thường trú: thôn

A, xã M, huyện P, tỉnh B) điều khiển xe biển số 75K1-132.96 chạy phía trước cùng chiều để lộ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 màu hồng ở túi quần bên phải ra ngoài, N bảo S chạy xe áp sát bà L1 để N giật điện thoại, S đồng ý và điều khiển xe chạy bên trong lề song song với bà L1 hướng ra đường kênh 5. Khi đến trước nhà số 108B, đường L, ấp T, xã T, huyện C; N dùng tay trái giật được điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 màu hồng của bà L1, S tăng ga nhanh chóng tẩu thoát. Khi đến đường kênh 5 thuộc ấp B, xã T, huyện C thì bị lực lượng Công an xã Tân Thông Hội bắt giữ.

Qua khám xét nơi ở của Trần Quang S khu dân cư V, phường A, Tp. T, tỉnh Bình Dương không thu giữ gì.

Qua làm việc, N và S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với N và S là dương tính với ma túy tổng hợp.

Bị can N và bị can S đều khai nhận bắt đầu sử dụng ma túy đá vào tháng 11/2024, bị can N mua ma túy đá của 01 người nam (chưa rõ lai lịch) ở khu vực phường T, TP. T, tỉnh Bình Dương được 02 lần, mỗi lần mua 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng, để bị can N sử dụng. Đối với bị can S mua ma túy đá của 01 người nam (chưa rõ lai lịch) ở khu vực TP. T, tỉnh Bình Dương được 01 lần, mua 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng, để bị can S sử dụng. Bị can N và bị can S không có sử dụng ma túy đá chung với nhau.

Kết luận định giá tài sản số 171/KL-HĐĐGTS ngày 31/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND huyện Củ Chi kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại Galaxy A13 màu hồng, số imei 1: 350013880303168, imei 2: 3522706303165 đã qua sử dụng, thu hồi được có trị giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y22s, màu xanh, IMEI 1: 866855067893610, IMEI 2: 866855067893602, đã qua sử dụng, thu hồi được có trị giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ:

- Thu của bị cáo S gồm: 01 xe mô tô biển số 67B1-927.14; 01 giấy đăng ký xe số 004959, tên chủ xe Trần Thị T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu vàng; 01 nón bảo hiểm GRAB màu xanh, 01 áo khoác GRAB màu xanh, 01 áo sơ mi tay dài caro màu xanh sọc và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Thu của bị cáo N gồm: 01 túi da đeo chéo màu nâu; 01 bình xịt hơi cay nhãn hiệu NATO màu xanh; 01 bịch ớt; 01 khóa vặn ốc quay tay bằng kim loại đường kính 10 mm; 01 biển số 47L1-364.10; 01 điện thoại di động Samsung loại Galaxy A13 màu hồng (do N cướp giật của bà Nguyễn Thị L1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà L1 là chủ sở hữu); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen (do N cướp giật của bà Đỗ Thị Kim T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà T2 là chủ sở hữu).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị L1, bà Đỗ Thị Kim T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 292/CT-VKSCC ngày 19/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử Trần Thanh N về tội “Cướp giật tài sản”

theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và Trần Quang S về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Lờ khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ có tại hồ sơ. Các bị cáo vì mong muốn có tiền tiêu xài và sử dụng chất ma túy, đã có hành vi bàn bạc, chuẩn bị công cụ phương tiện, lợi dụng sơ hở của bị hại lúc đang điều khiển xe gắn máy lưu thông trên đường, dùng xe gắn máy làm phương tiện để giật tài sản của người bị hại. Cụ thể: Vào lúc 17 giờ 00 phút ngày 12/11/2024, tại đường T thuộc ấp P, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, Trần Thanh N và Trần Quang S có hành vi cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen (có giá trị 1.500.000 đồng) của bà Đỗ Thị Kim T2 và cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 màu hồng (có giá trị 1.500.000 đồng) của bà Nguyễn Thị L1 tại trước nhà số 108B, đường L, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh thì bị bắt quả tang.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Thanh N, Trần Quang S đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và Trần Quang S đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; do đó đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo phạm Trần Thanh N, Trần Quang S phạm tội “Cướp giật tài sản”;

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thanh N từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang S từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 xe mô tô số máy KB111E1290833, số khung MH1KB1117MK291066 được gắn biển số 67B1-927.14; 01 giấy đăng ký xe số 004959, tên chủ xe Trần Thị T1; 01 biển số 47L1-364.10 do bà Trần Thị T1 đứng tên chủ sở hữu nhưng do bị cáo N gắn biển số 67B1-927.14 vào; bà T1 cho bị cáo S mượn và không biết S sử dụng thực hiện hành vi phạm tội; đề nghị trả lại bà T1.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm Grab màu xanh, đã qua sử dụng; 01 áo khoác Grab màu xanh, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi tay dài tay, sọc caro, màu xanh sọc, đã qua sử dụng; 01 túi da đeo chéo màu nâu, đã qua sử dụng; 01 bình xịt hơi cay nhãn hiệu Nato đã qua sử dụng; 01 túi nylon chứa bột ớt; 01 dụng cụ để mở ốc vít, kích cỡ số 10mm, đã qua sử dụng; 01 biển số 67B1-927.14.

- Đề nghị trả lại cho bị cáo S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu vàng và số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) do không liên quan hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử khoan hồng xử mức án nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ. Các bị cáo vì mong muốn có tiền tiêu xài và sử dụng chất ma túy, đã có hành vi bàn bạc, chuẩn bị phương tiện (xe máy, biển số xe máy để thay đổi, bình xịt hơi cay, bột ớt, dụng cụ mở ốc vít), điều khiển xe gắn máy tìm kiếm bị hại có sơ hở trong quản lý tài sản để cướp giật tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Cụ thể: Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 12/11/2024, tại đường T thuộc ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo S điều khiển xe mang biển số 67B1-927.14 chở bị cáo N ngồi phía sau xe lưu thông trên đường và có hành vi cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen của bà Đỗ Thị Kim T2 và cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A13 màu hồng của bà Nguyễn Thị L1 tại trước nhà số 108B, đường L, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, thì bị bắt quả tang.

Kết luận giám định tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung loại Galaxy A13 màu hồng, đã qua sử dụng, thu hồi được có trị giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y22s, màu xanh, đã qua sử dụng, thu hồi được có trị giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); tổng cộng giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Bằng hành vi trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Quang S đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thanh N đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự; như đề nghị của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp, tính mạng, sức khỏe của công dân sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng vì mục đích để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy mà các bị cáo bất chấp. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp, quyền được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe của công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt phù hợp, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị

cáo trở thành người tốt cho xã hội và để bảo đảm đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên cần xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

Xét thấy vai trò đồng phạm của các bị cáo mang tính chất giản đơn. Mặc dù bị cáo N là người chủ động bàn bạc và rủ rê bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên khi thực hiện hành vi vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

[4] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân:

Bị cáo S có nhân thân xấu, ngày 27/11/2008, bị Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Lắk xử phạt 11 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” và “Cướp tài sản” theo bản án số 269/2008/HS-PT; ngày 25/12/2017, đã chấp hành xong hình phạt (đã xoá án tích).

[7] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự; xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 02 USB ghi nhận vụ cướp giật tài sản ngày 12/11/2024, tại đường T thuộc ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và tại trước nhà số 108B, đường L, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; xét thấy cần tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu vàng và số tiền 200.000 đồng do không liên quan hành vi phạm tội, xét thấy cần trả lại bị cáo S là phù hợp.

- Đối với: 01 nón bảo hiểm Grab màu xanh, đã qua sử dụng; 01 áo khoác Grab màu xanh, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi tay dài tay, sọc caro, màu xanh sọc, đã qua sử dụng; 01 túi da đeo chéo màu nâu, đã qua sử dụng; 01 bình xịt hơi cay nhãn hiệu Nato đã qua sử dụng; 01 túi nylon chứa bột ớt; 01 dụng cụ để mở ốc vít, kích cỡ số 10mm, đã qua sử dụng; 01 biển số 67B1-927.14; xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô có số máy KB111E1290833, số khung MH1KB1117MK291066; 01 giấy đăng ký xe số 004959, tên chủ xe là Trần Thị T1; 01 biển số 47L1-364.10 do bà Trần Thị T1 đứng tên chủ sở hữu nhưng do bị cáo N gắn biển số 67B1-927.14 vào và cùng bị cáo S đi thực hiện hành vi phạm tội; bà T1 cho bị cáo S mượn xe và bị cáo S sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, bà T1 hoàn toàn không biết; xét thấy cần trả lại cho bà T1 là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà L1, bà T2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu khác; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Xét cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh N, Trần Quang S phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2024.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Quang S 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2024.

[2] Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại bị cáo S: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng, bị rạn nứt màn hình đã qua sử dụng; tiền NHNNVN là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); (theo Lệnh nhập kho vật chứng số G824/LNK-VPCQCSĐT ngày 05/6/2025 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

- Trả lại bà Trần Thị T1: 01 xe mô tô có số máy KB111E1290833, số khung MH1KB1117MK291066, nhãn hiệu Honda, loại Sonic 150R, màu trắng đỏ đen; 01 biển kiểm soát xe mô tô số 47L1-364.10; 01 giấy đăng ký xe số 004959, tên chủ xe Trần Thị T1.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm Grab màu xanh, đã qua sử dụng; 01 áo khoác Grab màu xanh, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi tay dài tay, sọc caro, màu xanh sọc, đã qua sử dụng; 01 túi da đeo chéo màu nâu, đã qua sử dụng; 01 bình xịt hơi cay nhãn hiệu Nato đã qua sử dụng; 01 túi nylon chứa bột ớt; 01 dụng cụ để mở ốc vít, kích cỡ số 10mm, đã qua sử dụng; 01 biển số 67B1-927.14.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Lệnh nhập kho vật chứng số G824/LNK-VPCQCSĐT ngày 05/6/2025 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 02 USB ghi nhận vụ cướp giật tài sản ngày 12/11/2024, tại đường T thuộc ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và tại trước nhà số 108B, đường L, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan